

Bản án số: 121/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2024
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhất Anh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Chuyển**

Bà **Nguyễn Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Như Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Bích Thảo** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 546/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Kỳ L** - sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Châu Hiền H** - sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Lê Thị Kỳ L trình bày:

Bà và ông Châu Hiền H tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2010. Thời gian ban đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 xảy ra mâu thuẫn bởi bất đồng quan điểm

sống, thường xuyên cãi vã, không tìm được tiếng nói chung. Lâu dần mâu thuẫn càng trầm trọng, xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà L và ông Châu Hiền H có 02 con chung là Châu Lê H1, sinh ngày 20/6/2011 và Châu Lê Nhật T, sinh ngày 04/12/2018. Bà L xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Châu Hiền H được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hoà tại phiên tòa sơ thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Lê Thị Kỳ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Châu Hiền H đã được triệu tập, tổng đạt và niêm yết hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Lê Thị Kỳ L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Lê Thị Kỳ L và ông Châu Hiền H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lê Thị Kỳ L và ông Châu Hiền H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N (*giấy chứng nhận kết hôn số 42, ngày 10/8/2010*) đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà L và ông H đã phát sinh mâu thuẫn sinh mâu thuẫn kéo dài không được khắc phục, làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà L không còn chung sống với ông H và yêu cầu ly hôn. Tại phiên tòa, bị đơn ông Châu Hiền H được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt là không thể hiện sự thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xác định hôn nhân giữa bà L và ông H không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn ông H là có cơ sở. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Lê Thị Kỳ L là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà L và ông H có 02 con chung là Châu Lê H1, sinh ngày 20/6/2011 và Châu Lê Nhật T, sinh ngày 04/12/2018. Hiện nay cháu H1 và cháu T đang sống cùng với bà L. Bà L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con. Yêu cầu của bà L là chính đáng và phù hợp nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị Kỳ L được ly hôn với ông Châu Hiền H.

- *Về con chung:* Giao 02 con chung là Châu Lê H1, sinh ngày 20/6/2011 và Châu Lê Nhật T, sinh ngày 04/12/2018 cho bà Lê Thị Kỳ L trực tiếp chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà L không yêu cầu ông Châu Hiền H cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con, có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Về nợ chung: Bà L xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí: Về án phí: Bà Lê Thị Kỳ L nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006189 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- UBND xã Ninh Hưng, GCNKH số 42/2010
- CCTHADS thị xã N;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nhất Anh